

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KÌ I - KHỐI 11 (BUỔI CHIỀU)

NĂM HỌC 2026 - 2027

(CÓ GIÁ TRỊ TỪ NGÀY 12/10/2026)

Thứ	Tiết	11A1	11A2	11A3	11A4	11A5	11A6	11D1	11D2	11D3
Thứ 2	1	Ngữ văn Phạm Hương	Vật lý Giáp Cường	Tiếng Anh NN	Tiếng Anh Phương Anh	Tiếng Anh Quỳnh Trang	Toán Nguyễn Phương	Toán Lan Phương	Ngữ văn Mai Linh	Khởi nghiệp Sơn Đại
	2	Ngữ văn Phạm Hương	Vật lý Giáp Cường	Tiếng Anh NN	Khởi nghiệp Sơn Đại	KTPL Vũ Anh	Toán Nguyễn Phương	Toán Lan Phương	Ngữ văn Mai Linh	KTPL Thu Hà
	3	Sinh học Võ Hải	Khởi nghiệp Sơn Đại	Tin học Quốc Hùng	Ngữ văn Hoàng Khuyến	Hóa học Ngọc Toàn	Tin học Hải Tiếp	Ngữ văn Phạm Hương	Tiếng Anh Hà Phương	Toán Châu Anh
	4	Tin học Bá Đại	Hóa học Ngọc Toàn	Khởi nghiệp Sơn Đại	Ngữ văn Hoàng Khuyến	Tin học Hải Tiếp	Vật lý Thành Nam	Tiếng Anh Quỳnh Trang	Tiếng Anh Hà Phương	Toán Châu Anh
	5	CHAOCO	CHAOCO	CHAOCO	CHAOCO	CHAOCO	CHAOCO	CHAOCO	CHAOCO	CHAOCO
Thứ 3	1	Toán Tạ Cường	Ngữ văn Hoàng Khuyến	Toán Nguyễn Phương	Vật lý Văn Hòa	Vật lý Thành Nam	KTPL Ngô Cúc	KTPL Thu Hà	Tiếng Anh NN	Ngữ văn Minh Trang
	2	Toán Tạ Cường	Ngữ văn Hoàng Khuyến	Toán Nguyễn Phương	Vật lý Văn Hòa	Vật lý Thành Nam	Lịch sử Trần Thúy	Công nghệ Tiến Dũng	Tiếng Anh NN	KTPL Thu Hà
	3	Tiếng Anh NN	Lịch sử Trần Thúy	Vật lý Văn Hòa	Toán Tạ Cường	Tiếng Anh Quỳnh Trang	Tiếng Anh Minh Huệ	Tiếng Anh NN	Lịch sử Phạm Thủy	Tiếng Anh Kiều Thắng
	4	Tiếng Anh NN	Toán Lê Cường	Tiếng Anh Hương Thảo	Toán Tạ Cường	Toán Gia Khánh	Tiếng Anh Minh Huệ	Tiếng Anh NN	Công nghệ Tiến Dũng	Địa lí Diệu Thúy
	5	Lịch sử Trần Thúy	Toán Lê Cường	KTPL Ngô Cúc	Tin học Hải Tiếp	Toán Gia Khánh	Vật lý Thành Nam	Tin học Bá Đại		Địa lí Diệu Thúy
Thứ 4	1	Vật lý Trường Nghiêm	Sinh học Viết Thắng	Lịch sử Trần Thúy	Tin học Hải Tiếp	Ngữ văn Mai Linh	Ngữ văn Trịnh Lan	Khởi nghiệp Nguyễn Dũng	Toán Gia Khánh	Tiếng Anh Kiều Thắng
	2	Vật lý Trường Nghiêm	Sinh học Viết Thắng	Ngữ văn Trịnh Lan	Lịch sử Phạm Thủy	Ngữ văn Mai Linh	Khởi nghiệp Nguyễn Dũng	KTPL Thu Hà	Toán Gia Khánh	Tiếng Anh Kiều Thắng
	3	Ngữ văn Phạm Hương	Tin học Quốc Hùng	Ngữ văn Trịnh Lan	Hóa học Trần Đức	Toán Gia Khánh	Hóa học Hong Nhung	Lịch sử Phạm Thủy	Vật lý Trường Nghiêm	Lịch sử Trần Thúy
	4	Tin học Bá Đại	Tin học Quốc Hùng	Hóa học Hong Nhung	Tiếng Anh Phương Anh	Toán Gia Khánh	Tin học Hải Tiếp	Ngữ văn Phạm Hương	Vật lý Trường Nghiêm	Sinh học Thủy Hà
	5	Hóa học Trần Đức	Tiếng Anh Thủy Linh	Tiếng Anh Hương Thảo	Tiếng Anh Phương Anh	Lịch sử Phạm Thủy	Tin học Hải Tiếp	Ngữ văn Phạm Hương	Khởi nghiệp Nguyễn Dũng	Công nghệ Thủy Hà
Thứ 5	1	Toán Tạ Cường	Toán Lê Cường	KTPL Ngô Cúc	Tiếng Anh NN	Tiếng Anh NN	Tiếng Anh NN	Địa lí Thanh Xuân	Toán Gia Khánh	Toán Châu Anh
	2	Toán Tạ Cường	Toán Lê Cường	Toán Nguyễn Phương	Tiếng Anh NN	Tiếng Anh NN	Tiếng Anh NN	Địa lí Thanh Xuân	Toán Gia Khánh	Toán Châu Anh
	3	Tiếng Anh Thúy Loan	Tiếng Anh NN	Tin học Quốc Hùng	Toán Tạ Cường	KTPL Vũ Anh	Toán Nguyễn Phương	Vật lý Văn Hòa	Tin học Bá Đại	Tiếng Anh NN
	4	Tiếng Anh Thúy Loan	Tiếng Anh NN	Tin học Quốc Hùng	Toán Tạ Cường	Khởi nghiệp Trần Ngọc	Toán Nguyễn Phương	Vật lý Văn Hòa	Địa lí Thanh Xuân	Tiếng Anh NN
	5	Khởi nghiệp Trần Ngọc	Tin học Quốc Hùng	Vật lý Văn Hòa	KTPL Vũ Anh	Tiếng Anh Quỳnh Trang	KTPL Ngô Cúc		Địa lí Thanh Xuân	Tin học Bá Đại
Thứ 6	1	Hóa học Trần Đức	Hóa học Ngọc Toàn	Toán Nguyễn Phương	Ngữ văn Hoàng Khuyến	Tin học Hải Tiếp	Ngữ văn Trịnh Lan	Tiếng Anh Quỳnh Trang	Ngữ văn Mai Linh	Ngữ văn Minh Trang
	2	Sinh học Võ Hải	HĐTNHN Giáp Cường	HĐTNHN Nguyễn Phương	HĐTNHN Hoàng Khuyến	Ngữ văn Mai Linh	Ngữ văn Trịnh Lan	Tiếng Anh Quỳnh Trang	Tiếng Anh Hà Phương	Ngữ văn Minh Trang
	3	Tiếng Anh Thúy Loan	Ngữ văn Hoàng Khuyến	Ngữ văn Trịnh Lan	KTPL Vũ Anh	Hóa học Ngọc Toàn	HĐTNHN Thành Nam	Toán Lan Phương	HĐTNHN Hà Phương	HĐTNHN Minh Trang
	4	Tin học Bá Đại	Tiếng Anh Thủy Linh	Hóa học Hong Nhung	Tin học Hải Tiếp	HĐTNHN Ngọc Toàn	Tiếng Anh Minh Huệ	Toán Lan Phương	KTPL Thanh Nga	Công nghệ Thủy Hà
	5	HĐTNHN Bá Đại	Tiếng Anh Thủy Linh	Tiếng Anh Hương Thảo	Hóa học Trần Đức	Tin học Hải Tiếp	Hóa học Hong Nhung	HĐTNHN Lan Phương	KTPL Thanh Nga	Sinh học Thủy Hà

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I - KHỐI 11 (BUỔI SÁNG)
NĂM HỌC 2026 -2027
(CÓ GIÁ TRỊ TỪ 12/10/2026)

Thứ	Tiết	11A1	11A2	11A3	11A4	11A5	11A6	11D1	11D2	11D3
Thứ 2	1		GDTC		GDTC	GDTC	Tiếng Anh Minh Huệ	GDTC	Vật lý Trưởng Nghiêm	Ngữ văn Minh Trang
	2		GDTC		GDTC	GDTC	Toán Nguyễn Phương	GDTC	Vật lý Trưởng Nghiêm	Tiếng Anh Kiều Thắng
	3		CLB		CLB	CLB	Vật lý Thành Nam	CLB	Toán Gia Khánh	Tiếng Anh Kiều Thắng
	4		CLB		CLB	CLB	Vật lý Thành Nam	CLB	Toán Gia Khánh	Lịch sử Trần Thủy
	5						100		V04	405
Thứ 3	1	GDTC	Toán Lê Cường	GDTC	Hóa học Trần Đức	Ngữ văn Mai Linh	GDTC	Tiếng Anh Quỳnh Trang	GDTC	GDTC
	2	GDTC	Vật lý Giáp Cường	GDTC	Hóa học Trần Đức	Ngữ văn Mai Linh	GDTC	Tiếng Anh Quỳnh Trang	GDTC	GDTC
	3	CLB	Tiếng Anh Thúy Linh	CLB	Ngữ văn Hoàng Khuyến	Vật lý Thành Nam	CLB	Toán Lan Phương	CLB	CLB
	4	CLB	Sinh học Viết Thắng	CLB	Ngữ văn Hoàng Khuyến	Vật lý Thành Nam	CLB	Ngữ văn Phạm Hương	CLB	CLB
	5		V02		V01	V03		V04		
Thứ 4	1	Toán Tạ Cường	Hóa học Ngọc Toàn	Vật lý Văn Hòa	Tiếng Anh NN	Tiếng Anh NN	Toán Nguyễn Phương	Toán Lan Phương		Toán Châu Anh
	2	Toán Tạ Cường	Hóa học Ngọc Toàn	Vật lý Văn Hòa	Tiếng Anh NN	Tiếng Anh NN	Toán Nguyễn Phương	Toán Lan Phương		Toán Châu Anh
	3	Hóa học Trần Đức	Tiếng Anh NN	Tiếng Anh Hương Thảo	Toán Tạ Cường	Toán Gia Khánh	Tiếng Anh NN	Vật lý Văn Hòa		Tiếng Anh NN
	4	Hóa học Trần Đức	Tiếng Anh NN	Toán Nguyễn Phương	Toán Tạ Cường	Toán Gia Khánh	Tiếng Anh NN	Vật lý Văn Hòa		Tiếng Anh NN
	5	V01	103	V02	105	603	602	V04		106
Thứ 5	1	Tiếng Anh NN		Ngữ văn Trịnh Lan			Hóa học Hồng Nhung	Ngữ văn Phạm Hương	Tiếng Anh NN	Toán Châu Anh
	2	Tiếng Anh NN		Ngữ văn Trịnh Lan			Hóa học Hồng Nhung	Ngữ văn Phạm Hương	Tiếng Anh NN	Ngữ văn Minh Trang
	3	Ngữ văn Phạm Hương		Hóa học Hồng Nhung			Ngữ văn Trịnh Lan	Tiếng Anh NN	Ngữ văn Mai Linh	Ngữ văn Minh Trang
	4	Ngữ văn Phạm Hương		Hóa học Hồng Nhung			Ngữ văn Trịnh Lan	Tiếng Anh NN	Ngữ văn Mai Linh	Địa lí Diệu Thủy
	5	100		V02			603	105	103	314
Thứ 6	1	Vật lý Trưởng Nghiêm	Ngữ văn Hoàng Khuyến	Tiếng Anh NN	Vật lý Văn Hòa	Hóa học Ngọc Toàn			Toán Gia Khánh	
	2	Sinh học Võ Hải	Ngữ văn Hoàng Khuyến	Tiếng Anh NN	Vật lý Văn Hòa	Hóa học Ngọc Toàn			Tiếng Anh Hà Phương	
	3	Tiếng Anh Thúy Loan	Toán Lê Cường	Toán Nguyễn Phương	Toán Tạ Cường	Toán Gia Khánh			Tiếng Anh Hà Phương	
	4	Toán Tạ Cường	Toán Lê Cường	Toán Nguyễn Phương	Tiếng Anh Phương Anh	Tiếng Anh Quỳnh Trang			Ngữ văn Mai Linh	
	5	V01	V02	100	405	V03			V04	